

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2024/DS-ST
Ngày: 17-5-2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Hoàng,
- Ông Nguyễn Chí Lin.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hải Yến là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 562/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Lê Văn K – Chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh L kiêm trưởng phòng G (Giấy ủy quyền ngày 26/12/2022)

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Ông Trần Khắc T – Chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân (xin vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số C, Khu V, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S do ông Trần Khắc T làm đại diện

trình bày: Ngày 19/10/2018, bà **Nguyễn Thị Thanh T1** có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu chung này được gọi là Hợp đồng), Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà **T1** như sau: Hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất tại thời điểm phát hành thẻ là 15%/năm, phương thức thanh toán là chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi về cho chủ thẻ. Tuy nhiên, chủ thẻ sẽ có quyền chọn lựa thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ.

Thực hiện hợp đồng này, sau khi cấp thẻ tín dụng bà **T1** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà **T1** đã thanh toán tiền thẻ tín dụng cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S** số tiền 8.659.368 đồng. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng bà **T1** vẫn không có thiện chí trả nợ, do đó bà **T1** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 6.352.272 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng lãi tại thời điểm hiện tại).

Nay thương mại **cổ phần S** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Nguyễn Thị Thanh T1** phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 17/5/2024 là 9.775.238 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 6.352.272 đồng, lãi quá hạn là 3.442.966 đồng. Yêu cầu bà **T1** có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 18/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn là bà **Nguyễn Thị Thanh T1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà **T1** vẫn không có văn bản ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà **Nguyễn Thị Thanh T1** nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, bị đơn bà **Nguyễn Thị Thanh T1** hiện thường trú tại **thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An** nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý theo thủ tục sơ thẩm là thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Bị đơn bà **Nguyễn Thị Thanh T1** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều

228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà **Nguyễn Thị Thanh T1**.

[1.3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Nguyên đơn thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục. Nguyên đơn có đề nghị không hòa giải, bị đơn bà **T1** vắng mặt nên vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án **Ngân hàng thương mại Cổ phần S** khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Thị Thanh T1** trả số tiền cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/5/2024 là 9.775.238 đồng, trong đó nợ gốc là 6.352.272 đồng, lãi quá hạn là 3.442.966 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 19/10/2018, bảng tóm tắt sao kê ngày 20/9/2023, ngày 02/4/2024, ngày 17/5/2024 cho thấy ngân hàng có ký hợp đồng cung cấp thẻ tín dụng cho bà **T1**, quá trình thực hiện hợp đồng bà **T1** không thực hiện theo cam kết nên ngân hàng cũng nhiều lần nhắc nợ. Khi nguyên đơn ngân hàng đã khởi kiện vụ án tại Tòa án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà **T1** vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ngân hàng đã cung cấp để làm cơ sở xét xử vụ án.

[2.2] Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, thể hiện bà **Nguyễn Thị Thanh T1** có ký với **Ngân hàng thương mại Cổ phần S - Phòng G1** sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho bà **T1**, lãi suất trong hạn là lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 15%/năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà **T1** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà **T1** đã thanh toán tiền thẻ tín dụng cho Ngân hàng số tiền 8.659.368 đồng. Do bị đơn bà **T1** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ mà đôi bên đã thỏa thuận với nhau trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Thị Thanh T1** trả số tiền cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/5/2024 là 9.775.238 đồng, trong đó nợ gốc là 6.352.272 đồng, lãi quá hạn là 3.442.966 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, cần buộc bà **T1** phải có trách nhiệm trả số tiền nợ là 9.577.599 đồng cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**.

[2.3] Ngoài ra kể từ ngày 18/5/2024, bà **T1** còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ cho đến khi bà **T1** thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà **T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị Thanh T1**.

Buộc bà **T1** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** số tiền 9.577.599 đồng, trong đó nợ gốc là 6.352.272 đồng, lãi quá hạn là 3.442.966 đồng.

2. Kể từ ngày 18/5/2024, bà **T1** còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn trên nợ gốc theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/10/2018, cho đến khi bà **T1** thanh toán xong khoản nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà **T1** phải nộp 488.762 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước; **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** thương **T2** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An hoàn lại cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005991 ngày 09/10/2023.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** và bị đơn bà **Nguyễn Thị Thanh T1** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Sơn